

Số: 3245/QĐ-UBND

Nghệ An, ngày 22 tháng 7 năm 2026

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt phương án chấm điểm các sở, ngành, địa phương,  
chủ đầu tư về thực hiện giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Quy định số 366-QĐ/TW ngày 30/8/2025 của Bộ Chính trị về việc kiểm điểm và đánh giá, xếp loại chất lượng đối với tập thể, cá nhân trong hệ thống chính trị;

Căn cứ Nghị định số 335/2025/NĐ-CP ngày 21/12/2025 của Chính phủ quy định về đánh giá, xếp loại chất lượng đối với cơ quan hành chính nhà nước và công chức;

Căn cứ Quyết định số 1129/QĐ-TTg ngày 24/6/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương án chấm điểm các bộ, cơ quan trung ương và địa phương về thực hiện giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Công văn số 6191/STC-THQH ngày 14/7/2026 về việc triển khai phương án chấm điểm thực hiện giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt phương án chấm điểm các Sở, ngành, địa phương, chủ đầu tư về thực hiện giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công.

### **Điều 2. Mục tiêu**

1. Phản ánh kết quả thực hiện nhiệm vụ giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công được giao cho các Sở, ngành, địa phương, chủ đầu tư làm cơ sở để thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công.

2. Kết quả chấm điểm giải ngân đầu tư công cả năm là một trong các tiêu chí để đánh giá hiệu quả đầu tư công; được sử dụng để các Sở, ngành, địa phương, chủ đầu tư xây dựng tiêu chí đánh giá, xếp loại chất lượng tập thể, cá nhân. Kết quả chấm điểm giải ngân hàng tháng, hàng quý phục vụ biểu dương đối với các Sở, ngành, địa phương, chủ đầu tư thực hiện giải ngân tốt và đôn đốc, nhắc nhở, cảnh báo đối với các Sở, ngành, địa phương, chủ đầu tư thực hiện chưa tốt.

3. Nâng cao trách nhiệm, ý thức, tính chủ động chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính và tinh thần chủ động của tổ chức, cá nhân trong thực hiện nhiệm vụ giải ngân vốn đầu tư công; trong thực thi chế độ báo cáo về tình hình thực hiện, giải ngân vốn đầu tư công theo quy định.

### **Điều 3. Nguyên tắc chấm điểm**

1. Bảo đảm công khai, minh bạch, thống nhất, hài hòa với bối cảnh giải ngân kế hoạch đầu tư công chung của cả nước.

2. Thực hiện chấm điểm định kỳ hằng tháng, hằng quý và cả năm.

3. Chấm điểm giải ngân dựa trên:

a) Kết quả giải ngân kế hoạch vốn được giao của từng Sở, ngành, địa phương, chủ đầu tư sau khi thực hiện tiết kiệm (bao gồm: (i) ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh; (ii) ngân sách cấp xã) trên cơ sở so sánh với:

- Tỷ lệ giải ngân chung của toàn tỉnh hằng tháng, hằng quý đối với kỳ chấm điểm hằng tháng, hằng quý; trường hợp tỷ lệ giải ngân chung của toàn tỉnh thấp hơn tỷ lệ giải ngân chung cả nước thì so sánh với tỷ lệ giải ngân chung cả nước (sau đây gọi tắt là tỷ lệ bình quân chung).

- Mục tiêu giải ngân cả năm theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và UBND tỉnh đối với kỳ chấm điểm cả năm.

b) Kết quả giải ngân kế hoạch vốn các Sở, ngành, địa phương, chủ đầu tư so với nhiệm vụ giải ngân được giao (tính chung kế hoạch năm 2026 và kế hoạch kéo dài) trong kỳ chấm điểm.

c) Việc chấp hành chế độ báo cáo về giải ngân đầu tư công.

4. Cho phép giảm trừ ra khỏi nhiệm vụ giải ngân và phương án tính điểm các Sở, ngành, địa phương, chủ đầu tư đối với:

- Phần kế hoạch vốn các Sở, ngành, địa phương, chủ đầu tư không còn nhu cầu sử dụng (do tiết kiệm một số nhiệm vụ chỉ của dự án như: tiết kiệm trong đấu thầu, không sử dụng chi phí dự phòng, giảm sau quyết toán dự án hoàn thành) và có văn bản xác nhận không còn nhu cầu sử dụng. Nguyên tắc loại trừ này được áp dụng cho kỳ chấm điểm cả năm.

- Phần kế hoạch vốn để thực hiện nhiệm vụ, chương trình, dự án đầu tư công mà các nhiệm vụ, chương trình, dự án đầu tư công này được cấp có thẩm quyền cho phép dừng thực hiện hoặc giao cho Sở, ngành, địa phương, chủ đầu tư khác thực hiện. Việc loại trừ này được áp dụng cho các kỳ chấm điểm ngay sau thời điểm cấp có thẩm quyền quyết định việc dừng hoặc điều chuyển nhiệm vụ, chương trình, dự án.

5. Đối với kế hoạch vốn hằng năm được giao bổ sung sau ngày 30 tháng 9:

a) Trường hợp được giao trong tháng 10: bắt đầu thực hiện chấm điểm giải ngân từ kỳ chấm điểm tháng 11 đối với  $\frac{1}{4}$  kế hoạch vốn được giao bổ sung.

b) Trường hợp được giao trong tháng 11: bắt đầu thực hiện chấm điểm giải ngân từ kỳ chấm điểm tháng 12 đối với  $\frac{1}{5}$  kế hoạch vốn được giao bổ sung.

c) Trường hợp kế hoạch vốn được giao sau ngày 30 tháng 11 hằng năm: không tính vào phương án chấm điểm giải ngân.

6. Thực hiện tính điểm trừ và điểm cộng vào kết quả chấm điểm của kỳ chấm điểm cả năm đối với việc điều chuyển và nhận điều chuyển kế hoạch vốn theo nguyên tắc sau:

a) Sở, ngành, địa phương, chủ đầu tư điều chuyển giảm vốn (nhưng không thuộc các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này): Tại thời điểm chấm điểm của kỳ chấm điểm năm, lũy kế số vốn điều chuyển giảm (sau khi đã bù trừ phần kế hoạch vốn nhận điều chuyển tăng (nếu có)) nếu lớn hơn 50% tổng kế hoạch vốn của đơn vị sẽ bị trừ 05 điểm, nếu nhỏ hơn hoặc bằng 50% tổng kế hoạch vốn của đơn vị sẽ bị trừ 02 điểm.

b) Sở, ngành, địa phương, chủ đầu tư nhận điều chuyển tăng vốn: Tại thời điểm chấm điểm của kỳ chấm điểm năm, lũy kế số vốn nhận điều chuyển tăng (sau khi đã bù trừ phần kế hoạch vốn điều chuyển giảm (nhưng không thuộc các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này) (nếu có)) nếu lớn hơn 50% tổng kế hoạch vốn của đơn vị sẽ được cộng thêm 05 điểm, nếu nhỏ hơn hoặc bằng 50% tổng kế hoạch vốn của đơn vị sẽ được cộng thêm 02 điểm.

7. Việc đánh giá kết quả giải ngân cả năm độc lập với kết quả giải ngân hằng tháng, hằng quý.

#### **Điều 4. Các chỉ tiêu chấm điểm và nguyên tắc tính**

##### **1. Kỳ chấm điểm hằng tháng**

a) Chỉ tiêu 1: Giải ngân kế hoạch vốn kéo dài từ các năm trước chuyển sang năm kế hoạch (sau đây gọi tắt là giải ngân KHV kéo dài). Điểm tối đa: 100 điểm, gồm 03 chỉ tiêu thành phần như sau:

- Chỉ tiêu 1.1: Tiến độ giải ngân KHV kéo dài của đơn vị so với mức bình quân chung. Điểm tối đa là 50 điểm. Nguyên tắc tính điểm dựa vào so sánh giữa tỷ lệ giải ngân KHV kéo dài của đơn vị so với tỷ lệ giải ngân KHV kéo dài bình quân chung tính đến hết tháng.

- Chỉ tiêu 1.2: Tiến độ giải ngân KHV kéo dài thực tế so với tiến độ đơn vị đăng ký thực hiện. Điểm tối đa là 45 điểm. Nguyên tắc tính điểm dựa vào so sánh giữa tỷ lệ giải ngân KHV kéo dài thực tế so với tỷ lệ giải ngân chung được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ cho đơn vị.

- Chỉ tiêu 1.3: Chấp hành chế độ báo cáo về tình hình giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công (sau đây gọi tắt là chấp hành chế độ báo cáo). Điểm tối đa: 05 điểm.

Nguyên tắc tính: Báo cáo đúng hạn: 05 điểm. Chưa báo cáo trong thời hạn quy định: 0 điểm.

b) Chỉ tiêu 2: Giải ngân kế hoạch vốn được giao trong năm kế hoạch (sau đây gọi tắt là giải ngân KHV năm). Điểm tối đa: 100 điểm, gồm 03 chỉ tiêu thành phần như sau:

- Chỉ tiêu 2.1: Tiến độ giải ngân KHV năm của đơn vị so với mức bình quân chung. Điểm tối đa là 50 điểm. Nguyên tắc tính điểm dựa vào so sánh giữa tỷ lệ giải ngân của đơn vị với tỷ lệ bình quân chung (tương ứng với từng nguồn vốn: (i) ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh; (ii) ngân sách cấp xã).

- Chỉ tiêu 2.2: Tiến độ giải ngân KHV năm thực tế so với tiến độ giải ngân đơn vị đăng ký thực hiện. Điểm tối đa là 45 điểm. Nguyên tắc tính điểm dựa vào so sánh giữa tỷ lệ giải ngân KHV năm thực tế so với tỷ lệ giải ngân chung được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ cho đơn vị.

- Chỉ tiêu 2.3: Chấp hành chế độ báo cáo (tương tự chỉ tiêu 1.3). Điểm tối đa: 05 điểm.

## 2. Kỳ chấm điểm hằng Quý

a) Chỉ tiêu 1: Giải ngân KHV kéo dài từ các năm trước chuyển sang năm kế hoạch. Điểm tối đa là 100 điểm. Nguyên tắc tính điểm dựa trên so sánh giữa tỷ lệ giải ngân KHV kéo dài của đơn vị với tỷ lệ giải ngân KHV kéo dài bình quân chung tính đến hết Quý.

b) Chỉ tiêu 2: Giải ngân KHV năm. Điểm tối đa là 100 điểm. Nguyên tắc tính điểm dựa trên so sánh giữa tỷ lệ giải ngân KHV năm của đơn vị với tỷ lệ giải ngân KHV năm bình quân chung tính đến hết Quý.

## 3. Kỳ chấm điểm cả năm

a) Chỉ tiêu 1: Giải ngân KHV kéo dài. Điểm tối đa: 100 điểm, gồm 02 chỉ tiêu thành phần như sau:

- Chỉ tiêu 1.1: Tỷ lệ giải ngân KHV kéo dài so với tỷ lệ giải ngân phải hoàn thành tính đến hết ngày 31 tháng 12 của năm kế hoạch. Điểm tối đa là 95 điểm. Nguyên tắc tính điểm dựa vào so sánh giữa tỷ lệ giải ngân KHV kéo dài của đơn vị so với tỷ lệ giải ngân KHV kéo dài bình quân chung tính đến hết năm.

- Chỉ tiêu 1.2: Chấp hành chế độ báo cáo (tương tự như kỳ chấm điểm hằng tháng). Điểm tối đa: 05 điểm.

b) Chỉ tiêu 2: Giải ngân KHV năm. Điểm tối đa: 100 điểm, gồm 03 chỉ tiêu thành phần như sau:

- Chỉ tiêu 2.1: Tỷ lệ giải ngân KHV năm so với tỷ lệ giải ngân phải hoàn thành theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh tính đến hết ngày 31 tháng 01 của năm sau kế hoạch. Điểm tối đa là 95 điểm. Nguyên tắc tính điểm dựa vào so sánh giữa tỷ lệ giải ngân của đơn vị với tỷ lệ giải ngân phải hoàn thành theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh (tương ứng với từng nguồn vốn: (i) ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh; (ii) ngân sách cấp xã).

- Chỉ tiêu 2.2: Chấp hành chế độ báo cáo (tương tự như kỳ chấm điểm hằng tháng). Điểm tối đa: 05 điểm.

- Chỉ tiêu 2.3: Điểm cộng (hoặc trừ) tương ứng do nhận điều chuyển (hoặc điều chuyển giảm) kế hoạch vốn.

### **Điều 5. Cách đánh giá kết quả giải ngân dựa trên kết quả chấm điểm**

Định kỳ, trên cơ sở so sánh giữa tổng điểm chỉ tiêu của đơn vị và mốc điểm đánh giá để phân loại mức độ thực hiện giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công gồm: giải ngân rất tốt, giải ngân tốt, giải ngân trung bình và giải ngân chưa tốt.

### **Điều 6. Tổ chức thực hiện**

1. Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ngành, Chủ tịch UBND các xã, phường và chủ đầu tư chỉ đạo:

a) Nghiêm túc thực hiện đăng ký tiến độ giải ngân và chấp hành chế độ báo cáo theo quy định. Các Sở, ngành, địa phương, chủ đầu tư chịu trách nhiệm toàn diện về số liệu báo cáo.

b) Chủ động phối hợp chặt chẽ với Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch để rà soát, đối chiếu, cập nhật số liệu kế hoạch giao và giải ngân thực tế định kỳ hằng tuần, hằng tháng và cả năm đảm bảo kịp thời, chính xác và thống nhất.

c) Đối với trường hợp phải giải trình, thay đổi kết quả chấm điểm giải ngân cả năm, yêu cầu các đơn vị tính toán chính xác và chịu trách nhiệm về số liệu điều chỉnh; cung cấp đầy đủ tài liệu kiểm chứng cụ thể trong quá trình giải trình theo yêu cầu của Sở Tài chính.

2. Sở Tài chính chủ trì:

a) Hướng dẫn chi tiết về chế độ báo cáo, cách thức chấm điểm và đánh giá kết quả, phân loại mức độ thực hiện giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công của các Sở, ngành, địa phương, chủ đầu tư sau khi có quy định, hướng dẫn chi tiết của Bộ Tài chính.

b) Tổ chức triển khai công tác chấm điểm thực hiện giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công, báo cáo UBND tỉnh định kỳ hằng tháng, hằng quý và cả năm.

3. Đề nghị Kho bạc Nhà nước khu vực XI:

- Chỉ đạo các Phòng giao dịch Kho bạc Nhà nước rà soát, đối chiếu số liệu kế hoạch giao và giải ngân thực tế với các chủ đầu tư bảo đảm chính xác, kịp thời.

- Kịp thời báo cáo Kho bạc Nhà nước Trung ương và định kỳ hằng tuần, hằng tháng, hằng quý và cả năm cung cấp Sở Tài chính số liệu giải ngân vốn đầu tư công của từng chủ đầu tư để thực hiện công tác chấm điểm.

### **Điều 7. Hiệu lực thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.
2. Thời gian chạy thử phương án chấm điểm: 3 tháng kể từ tháng 7 năm 2026 (tương ứng kỳ báo cáo tháng 7, tháng 8, tháng 9 và Quý III).
3. Thời gian chính thức thực hiện và áp dụng kết quả chấm điểm: từ kỳ báo cáo tháng 10 năm 2026./.

#### **Nơi nhận:**

- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Đảng ủy, UBND các xã, phường;
- Lưu: VT, KT (X.Tuấn).



**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Hoàng Phú Hiền**